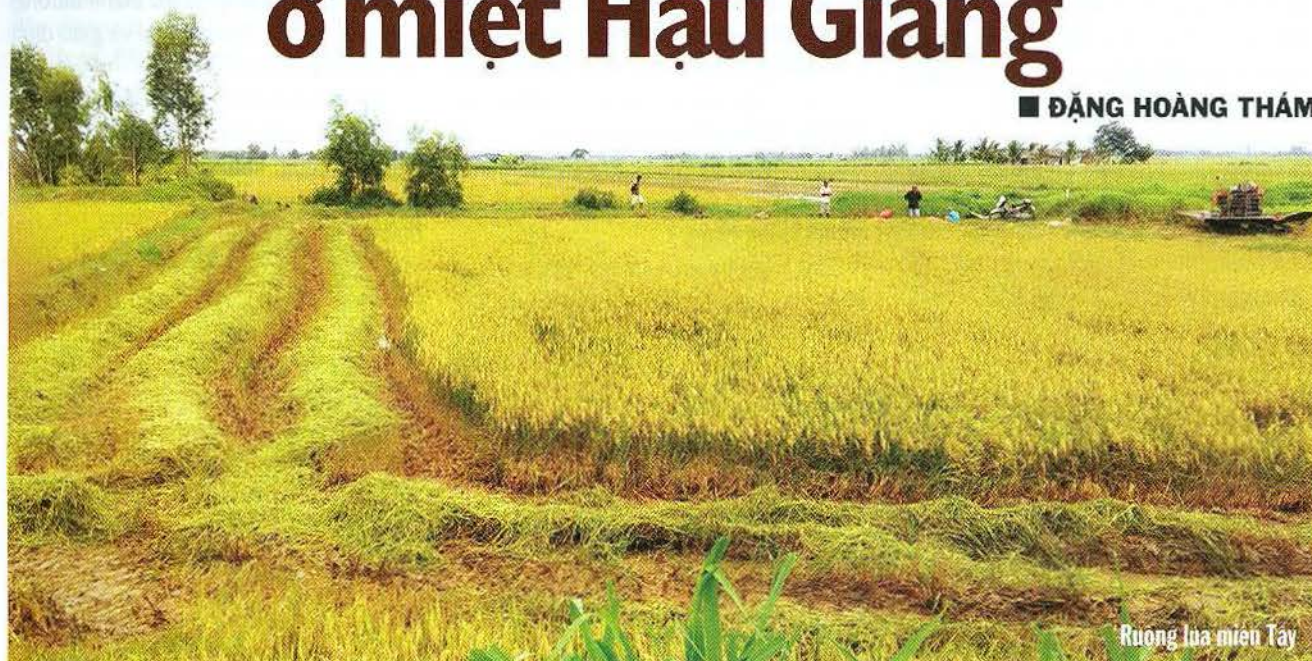


Mưu sinh thời khẩn hoang ở miệt Hậu Giang

■ ĐẶNG HOÀNG THÁM



Ruộng lúa miền Tây

Các tư liệu cũng như truyền kể dân gian đều cho rằng, miệt Hậu Giang ban đầu được khai phá từ những lưu dân đến từ phía bên kia sông Hậu. Việc đầu tiên khi đến vùng đất mới là vét, đắp đất tôn nền cao, lập chòi, trại để có nơi “che nắng che mưa”.

Mỗi chòi, trại bắt buộc phải có lu, hũ để đựng nước ngọt uống, trong bếp thường có một gốc rán, hoặc tràm, mắm khô cháy ngùn suốt ngày đêm để cầm lửa. Đèn thấp sáng được sử dụng từ dầu dừa, dầu mù u, dầu phộng. Và dù sống trong môi trường lạ, khắc nghiệt nhưng bù lại rất nhiều thủy, hải sản họ đã có nhiều cách đánh bắt cá, tôm độc đáo...

Dấu ấn thời mở đất phương Nam

Theo các sử liệu, tư liệu, ban đầu tiên nhân ta khai phá sớm vùng đất Mô-Xoài (Đông Nam bộ) theo tiến trình Nam tiến. Hà Tiên là vùng đất đầu tiên ở Tây Nam bộ cũng được khai khẩn vào thời kỳ ấy bởi Mạc Cửu - một thương nhân trẻ, tài giỏi. Phần còn lại của Tây Nam bộ (Đông bằng sông Cửu Long) là miệt Tây sông Hậu được khai mở từ cuối thế kỷ 19, sang đầu thế kỷ 20 mới tương đối định hình. Miền Tây sông Hậu hay “miền Hậu Giang”, “miệt Hậu Giang” ngày nay bao gồm các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hậu Giang và thành phố Cần Thơ

nằm phía hữu ngạn sông Hậu. Năm 1757 chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), lập các đạo Đông Khẩu (Sa Đéc), Tân Châu (Tiền Giang), Châu Đốc (Hậu Giang) do Nặc Tôn hiến để đền ơn. Láy đất Giá Khê (Rạch Giá) lập đạo Kiên Giang, và Cà Mau lập đạo Long Xuyên. Cuộc khai mở đất phương Nam kết thúc.

Các lưu dân khi lần đầu đến với đất phương Nam đã không khỏi băn khoăn, lo sợ, bởi phải đối mặt với không gian hoang dã, xa lạ, bí ẩn, khắc nghiệt, tiềm ẩn những hiểm nguy khôn lường:

Đến đây xứ sở lạ lùng

Chim kêu cũng sợ, cá vùng cũng ghê

Cảnh quan, môi trường “độc địa” mà họ chưa bao giờ từng thấy bao giờ:

Rừng thiêng nước độc thú bầy

Muối kêu như sáo thổi, đĩa lội đầy như bán canh

Nhưng cuộc sống mới bắt đầu với những hào hứng chinh phục, khai phá vùng đất dù còn khắc nghiệt nhưng màu mỡ, giàu tiềm năng, sản vật:

Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng

Về sông ăn cá về đồng ăn cua

Bắt cua làm mắm cho chua

Gửi về quê nội khỏi mua tốn tiền!

Hay:

Gạo Cần Đức, nước Đồng Nai,

Hết củi đã có Tân Sài chở voi!

Bao phen quạ nói với điều

Củi lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm

Cần chi cá lóc, cá trê,

Thịt chuột, thịt rắn nhậu mê hơn nhiều!

Các tư liệu cũng như truyền kể dân gian đều cho rằng, miệt Hậu Giang ban đầu được khai phá từ những lưu dân đến từ phía bên kia sông Hậu. Bởi khu vực sông Tiền gồm các tỉnh Long An, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh được chinh phục sớm, đất đai thuần thực, làng mạc ổn định từ thời các chúa Nguyễn.

Từ sự cấu tạo địa chất và các quy luật sinh thái, chế độ thủy văn, nên các vùng đất dọc theo sông rạch thường cao ráo (do phù sa lên xuống nhanh). Đến thời Pháp thuộc, do yêu cầu giao thông và vận chuyển lương thực, các con kênh đào xuất hiện ngày càng nhiều, những người đi khai hoang thường dừng chân ở những ngã ba sông hoặc dọc theo kênh xáng để ngụ cư, sau đó xâm nhập vào những khu rừng mênh mang cách dòng kênh không quá 100m.

Việc đầu tiên khi đến vùng đất mới là vét, đắp đất tôn nền cao, lập chòi, trại để có nơi trú mưa nắng, ăn uống và nghỉ ngơi. Chòi thường làm bằng tre, lá dừa nước, mắm, tràm... Vật liệu có khi được đem theo, kiếm tại chỗ hay mua lại của các lái buôn.

Mỗi chòi, trại bắt buộc phải có lu, hũ để đựng nước ngọt uống, cà ràng chụm củi (trên ghe), lên chòi, ông táo được kê bằng những cục gạch tiêu (đem theo).



Bến nước quê nhà

Trong bếp thường có một gốc rán, hoặc tràm, mắm khô cháy ngùn suốt ngày đêm để cầm lửa. Đèn thấp sáng được sử dụng từ dầu dừa, dầu mù u, dầu phộng. Ban đêm, lúc mới đến nơi (thường là cánh đàn ông trai tráng) ngủ bằng nóp. Nóp là tấm đệm bàng vuông được khâu xếp lại thành cái túi ngủ. Khi muốn ngủ ta nằm song song với miệng túi và lăn, chui nhẹ mình vào trong, sau đó nằm dần lên sống lưng đường xếp. Túi đệm ngủ sẽ bung phình đầu và chân ra. Người ngủ trong đệm hơi chút ngọt ngào nhưng tránh được muỗi đốt, lâu dần cũng quen. Ngủ bằng nóp kéo dài đến năm 1945: *"Nóp với giáo, mang trên vai..."*⁽¹⁾

Những cách đánh bắt thủy, hải sản độc đáo

Sau khi cái ở tạm ổn định. Người ta tính đến chuyện ăn, mưu sinh trong thiên nhiên. Ngoài gạo, muối phải đem theo, các loại cá, tôm, cua, tép, chim, chuột và một số thú rừng nhỏ (chồn, cheo, lợn rừng) luôn có sẵn trong môi trường.

Khẩn hoang ở vùng nước ngọt tương đối dễ chịu hơn vùng mặn. Các miền đất ngập nước ven biển thuộc các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau ngày nay được khai phá muộn. Lưu dân buộc phải đi theo sông lớn ra biển rồi từ biển tiến vào: *"Họ tiến vào rừng, hạ tràm xuống cho đất trống trái rồi đào 2,3 cái mương nhỏ, quãng đất lên đắp nền nhà. Nhà dựng lên như một hòn đảo, suốt mùa mưa, nước U Minh đổ xuống một chiều ra biển nên họ đủ nước ngọt mà uống. Rừng mới phá, họ cấy lúa giữa những gốc tràm chưa mục. Mùa hạn đến (rằm tháng 10 Âm) họ đập đập ngăn nước mặn. Nhưng nước mặn lần lần thấm xuyên qua ruộng. Chọn giống lúa chín sớm là cách hay hơn hết để tránh nước mặn tràn vào ruộng..."* (Son Nam)

Do môi trường lạ, khắc nghiệt nhưng



Cây lá dừa nước ở ĐBSCL

bù lại rất nhiều thủy, hải sản đã phát sinh nhiều cách đánh bắt cá, tôm độc đáo: khi nước lớn mới tràn vào ruộng, người dân nằm sát đất nghiêng đầu song song với mặt nước sẽ thấy những tia nước nhỏ bắn lên phía hơi xa chừng trăm mét... cố gắng nhớ chỗ và đi đến buổi, quào sinh, lá mục lên sẽ gặp rất nhiều vọp (họ trai sò) tha hồ mà bắt! Cá bống sao to bằng cườm tay người lớn hay chạy lướt như bay trên mặt nước. Đợi chúng chui vô hang, người ta lấy rom cỏ nhém chặt cửa hang. Cá bống sao sẽ bị ngập nước xỉu, chết nổi lên lơ lờ cạnh miệng hang! Hay lấy lưới bao quanh một đồng cỏ mới vừa phát dọn. Rút cỏ ra từ từ sẽ bắt được nhiều ba khía!

Hầu như mỗi ghe, chòi được xem như là một "đơn vị" đi khẩn hoang. Để mưu sinh, tìm thức ăn, mỗi ghe, chòi đều có một "miệng" chài, vài tay lưới giăng, rất nhiều cần câu cắm... dần về sau họ làm thêm nò, lợp, vó để đánh bắt thủy sản. Thời ấy, một vài lối đánh bắt cá tôm "làm chơi ăn thiệt" rất đơn giản mà hiệu quả không ngờ: Bỏ vài bó củi chà vào chiếc ghe, nhận chìm dưới nước trên ruộng. Khi nước "vực" (ròng, cạn), khá nhiều cá tôm, rùa rắn bị kẹt lại trên lòng ghe có chất chà vì không hay nước rút! Đặt một cái lu cuối đường nước nhỏ trên ruộng, khi nước cạn cá rút theo nước và bị rơi xuống lu. Dùng củi móc đi móc cua biển khi nước ròng một hồi cũng được cả thùng cua. Những mương rạch, lung, vũng, tôm cá cư ngụ đặc sệt, nhẩy xuống mò bắt bằng tay khá dễ dàng. Một cách bắt cá đáng kể là "dậm dẫu". Người ta đi dưới lòng rạch còn nước ngang bụng dùng bàn chân "dậm xuống bùn để lại nhiều "khuôn dẫu". Sau đó, quay lại lấy tay quậy bùn cho đục nước. Thường những con cá lóc, trê, ngát hoảng sợ nấp vào dẫu chân, lúc ấy bị những tay "sát cá"

tóm gọn. Riêng ốc bươu, ốc lác nằm phơi mình trên mặt ruộng xâm xấp nước, rải rác như mù u rụng, ít ai ăn.

Rau là thực phẩm được người khẩn hoang rất ưa thích. Có rau, bữa ăn sẽ thêm ngon. Rau hoang dã có khá nhiều ở vùng Tây sông Hậu. Một số loài phổ biến như: lục bình (ăn bông và củ hũ), đọt cóc kèn, đọt vừng, lá cách, đọt lức, rau dừa, rau mui, dây mỡ quạ, bông súng, ngó sen, bòn bòn, hẹ nước, môn... Dần dần người ta trồng quanh nhà những loại rau rất dễ trồng như: bạc hà bẹ, cần dày lá, rau muống đồng, rau ngò om, rau răm, mỏng toi, rau lang, kim thất, rau mơi, đậu rồng... Riêng sả, nhà nào cũng có cả chục bụi quanh nhà để làm gia vị nấu nướng, ướp tắm. Những con vật đầu tiên đi theo người khẩn hoang là chó và gà. Đây là hai vật nuôi thân thuộc, dễ thích nghi với môi trường, sinh sản nhanh đồng thời cũng là nguồn cung cấp thực phẩm rất giàu dinh dưỡng...

Khi công việc mưu sinh tìm, tạo nguồn thức ăn đã ổn, những lưu dân đi khai khẩn đất hoang bắt đầu canh tác, chủ yếu là làm ruộng, sản xuất lương thực. Theo thống kê của nhà đương cục Pháp thời ấy, diện tích đất canh tác vùng Tây sông Hậu được mở rộng không ngừng với sản lượng lúa ngày một tăng. Năm 1930:

- Rạch Giá 358.900 mẫu (đứng đầu Nam kỳ)
- Bạc Liêu 330.030 mẫu
- Sóc Trăng 212.909 mẫu
- Cần Thơ 205.000 mẫu
- Long Xuyên 186.049 mẫu

Lượng gạo xuất khẩu của nước ta lên đến 1,5 triệu tấn, chủ yếu từ những cánh đồng của miệt Hậu Giang.

⁽¹⁾ Lời bài hát Nam bộ kháng chiến (Tạ Thanh Sơn)